



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TIÊU CHUẨN NHÀ NƯỚC

QUẼ XUẤT KHẨU

YÊU CẦU KỸ THUẬT
PHƯƠNG PHÁP THỬ

TCVN 3230 — 79 — TCVN 3231 — 79

HÀ NỘI — 1981

Cơ quan biên soạn :

Tổng công ty xuất nhập khẩu
lâm thổ sản

Cơ quan đề nghị ban hành:

Bộ ngoại thương

Cơ quan trình duyệt :

Cục Tiêu chuẩn
Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước

Cơ quan xét duyệt và ban hành :

Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước

Quyết định ban hành số: 722/QĐ ngày 31 tháng 12 năm 1979

QUẾ XUẤT KHẨU**Yêu cầu kỹ thuật**

Корица для экспорта Cinnamon for exporting
Технические требования Technical requirements

TCVN
3230 - 79

Có hiệu lực
từ 01-01-1981

Tiêu chuẩn này quy định chất lượng của vỏ quế được gia công để xuất khẩu. Vỏ quế được bóc từ cây *Cinamomum cassia*, *Anamomum zelanicum* Nees... thuộc họ Lauraceae.

1. PHÂN NHÓM

1.1. Quế được chia làm 4 nhóm chính theo yêu cầu kỹ thuật như trong bảng 1.

Phân nhóm		Yêu cầu kỹ thuật						
Số thứ tự	Tên nhóm	Hình dạng bên ngoài	Chiều dài thanh que	Chiều dày thanh que	Tỷ lệ lớp dẫn so với chiều dày thanh que	Độ âm tính bằng % không lớn hơn	Hàm lượng tinh dầu tinh bằng ml/100 mg que ở trạng thái khô tuyệt đối không nhỏ hơn	Hàm lượng tro toàn phần tinh bằng % không lớn hơn
1	2	3	4	5	6	7	9	8
1	Que đôi	<p>Thanh que tương đối thẳng, được uốn hình lòng máng hoặc số 3, hai đầu gọt vát.</p> <p>Không có máu, giáp vờ. Lòng thanh que màu nâu hoặc nâu sẫm. Cho phép có không quá hai mắt chết với chiều dài lớn nhất qua tâm không lớn hơn 40 mm</p>	300 500	3	Không nhỏ hơn 1/3	14	3,5	5,5

(tiếp theo bảng 1)

1	2	3	4	5	6	7	8	9
II	Quế thông	Thanh quế tương đối thẳng hoặc cong lượn một chiều, được cuộn ống hoặc cuộn hai mép, hai đầu gọt vát hoặc cưa bằng. Lòng thanh quế màu nâu hoặc nâu sẫm. Cho phép có không quá hai mắt chết với chiều dài lớn nhất qua tâm không lớn hơn 40 mm.	200 - 500	2.5	Khoảng 1/3	14	3.0	5.5
III	Quế vụn	Gồm những mảnh vỡ vụn, lòng thanh quế màu nâu hoặc nâu sẫm.	10 - 190	6	—	14	2.5	5.5
IV	Quế vụn cành	Gồm những mảnh thanh mỏng bóc ở vỏ cành nhỏ.	10 - 190	1 - 1.5	—	14	2.0	5.5

1.2. Tùy theo đặc điểm riêng biệt mà phân loại quế như quy định trong bản phụ lục kèm theo.

1.3. Cho phép chỗ bị ăi hoặc vết đốm đen không lớn hơn 1/3 diện tích lòng thanh quế.

1.4. Mùi vị của quế phải thơm cay đặc trưng của sản phẩm.

1.5. Quế phải khô, sạch, không có đất cát, rêu mốc và sâu bệnh thuộc đối tượng kiểm dịch.

Cho phép có lẫn tạp chất không quá 2%.

2. PHƯƠNG PHÁP THỬ TIỀN HÀNH THEO TCVN 3231 - 79

3. BAO GÓI, GHI NHÃN, VẬN CHUYỂN VÀ BẢO QUẢN.

3.1. Quế loại I và II được đóng trong hòm gỗ nan kết, hòm gỗ dán hoặc hòm các tông. Hòm có kích thước $400 \times 530 \times 850$ mm. Trong hòm lót cát hoặc bao cói, sau đó lót giấy chống ẩm. Hòm phải được chèn lót chặt chẽ, bên ngoài hòm siết chặt 2 vòng đai nẹp sắt (hoặc nhựa) đảm bảo chắc chắn cho vận chuyển đường dài.

Quế thuộc nhóm III hoặc IV được đóng trong bao tải hoặc bao cói.

3.2. Khối lượng mỗi đơn vị bao gói đóng theo sự thỏa thuận giữa bên mua và bên bán song phải được ghi cụ thể trong hợp đồng.

3.3. Trên mỗi đơn vị bao gói phải ghi ký mã hiệu rõ ràng, sạch sẽ bằng mực (sơn hoặc phẩm màu) không phai với nội dung:

- Tên và địa chỉ người bán hàng
- Tên và địa chỉ người mua hàng
- Số thứ tự trong lô hàng
- Số hợp đồng (nếu có)
- Ký mã hiệu
- Dấu hiệu bảo quản

3.4. Quế phải được bảo quản trong kho khô ráo, sạch sẽ, được để trên bục cao từ 300 - 500 mm và cách tường ít nhất 500 mm.

3.5. Không được để lẫn các loại hàng hóa khác có mùi vị lạ làm ảnh hưởng đến chất lượng của quế.

3.6. Cho phép vận chuyển quế trên các phương tiện vận tải, phải khô, sạch và có mui bạt che đậy tránh mưa nắng.

Phụ lục này phân loại quế theo các đặc điểm riêng biệt.

Nhóm	Tên quế	Ký hiệu thương mại	Đặc điểm riêng biệt
I	Miền nam hẹp loại 1	MNK1	Lớp dầu chiếm không ít hơn 1,2 chiều dày thanh quế. Khối lượng mỗi thanh không nhỏ hơn 450 g vết nứt hai đầu không dài hơn 50mm
	Miền nam hẹp loại 2	MNK2	Khối lượng mỗi thanh không nhỏ hơn 250 g. Vết nứt hai đầu không dài hơn 100 mm.
	Miền nam hẹp loại 3	MNK3	Khối lượng thanh quế không nhỏ hơn 200 g. Vết nứt hai đầu không quá 150 mm.
	Miền nam hẹp vỡ	MNKV	Gồm những thanh không đủ tiêu chuẩn các loại trên hoặc bị giập vỡ được khâu lại. Khối lượng mỗi thanh không nhỏ hơn 150 g. Cho phép có hai mặt thủng, mỗi mặt không dài hơn 100 mm.
	Miền nam ngang	MNN	Khối lượng mỗi thanh không nhỏ hơn 150 g, không có mặt thủng hoặc giập vỡ. Được uốn theo hình lòng máng.
II	Quế thông Yên Bái loại 1	YB1	Lớp dầu chiếm không ít hơn 1/2 chiều dày thanh quế.
	Quế thông miền nam loại 1	MN1	
	Quế thông Yên Bái loại 2	YB2	Lông thanh quế rải rác có đốm đen.
	Quế thông miền nam loại 2	MN2	
	Quế thông Quảng Ninh	QN	

Nhóm	Tên quế	Ký hiệu thương mại	Đặc điểm riêng biệt
II	Quế thông Yên Bái loại 3 Quế thông miền nam loại 3	YB3 MN3	Thanh quế thẳng hoặc cong lượn một chiều, cuộn ống không đều đầu to đầu nhỏ. Lớp dầu không, rõ ràng, lòng thanh quế rải rác có đốm đen.
III	Quế vụn Yên Bái loại tốt Quế vụn Yên Bái Quế vụn Quảng Ninh loại tốt Quế vụn Quảng Ninh Quế miền nam vụn	YBV YBVV QNV QNVX MNV	Riêng loại quế vụn (YB VX QNVX) cho phép có những mảnh u máu và bị biến chất về màu sắc lớp dầu, tỷ lệ quế vụn loại tốt, được lẫn không lớn hơn 20% trong tổng số hàng.
IV	Quế vụn cành	QVC	Thanh quế mỏng, nhỏ. Không được lẫn các loại vỏ cây khác.